

BƯỚC ĐẦU ĐIỀU TRA CÂY THUỐC ĐƯỢC ĐỒNG BÀO M'NÔNG SỬ DỤNG Ở TỈNH ĐẮC LẮC

LƯU ĐÀM CỬ

Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Trong quá trình phát triển của loài người, cây thuốc giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe và hạnh phúc của cộng đồng các dân tộc ở khắp nơi trên thế giới. Các dân tộc tìm tòi, phát hiện và lưu giữ những kinh nghiệm độc đáo về sử dụng cây thuốc mang nét đặc trưng riêng của dân tộc mình. Việc điều tra, thu thập và ghi nhận những kiến thức bản địa quý báu trong sử dụng cây thuốc và giải pháp bảo tồn, phát triển các cây thuốc, bài thuốc có giá trị của các dân tộc là hết sức cần thiết. Những kết quả bước đầu của đề tài: “Nghiên cứu tri thức bản địa trong sử dụng và bảo tồn tài nguyên sinh vật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên”, mã số TN3/T13 thuộc Chương trình Tây Nguyên 3 đã góp phần quan trọng trong công tác này...

Đồng bào M'Nông là một trong ba dân tộc bản địa của tỉnh Đắk Lắk. Trước đây, phần lớn người M'Nông ở rất sâu trong rừng, thậm chí ở trong vùng lõi của các vườn quốc gia hay các khu bảo tồn nên đời sống của họ chủ yếu dựa vào việc khai thác nguồn tài nguyên rừng. Do vậy, trong quá trình sống họ đã tích lũy riêng cho mình một kho tàng quý báu về tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây cỏ để chữa bệnh. Nhiều cây thuốc, bài thuốc dân gian chữa các bệnh hiểm nghèo đã được sàng lọc bằng thực tế và được sử dụng trong cộng đồng. Đây là các tri thức dân tộc độc đáo, có giá trị vô cùng to lớn nhưng chỉ được sử dụng, lưu truyền trong cộng đồng dân cư hẹp từ đời này sang đời khác bằng cách truyền miệng mà chưa được tư liệu hóa để có thể lưu giữ lâu dài. Mặt khác, do tác động của nhiều yếu tố nên tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc thiểu số M'Nông đang đứng trước nguy cơ bị quên lãng và biến mất. Do đó, việc điều tra, thu thập và lưu giữ những kiến thức bản địa quý báu trong sử dụng cây thuốc và có các giải pháp bảo tồn, phát triển cây thuốc, bài thuốc giá trị của dân tộc M'Nông là hết sức cần thiết. Ngoài ra, các kết quả điều tra có thể làm cơ sở để nghiên cứu nhằm kế thừa và phát huy nguồn tri thức được học của các dân tộc thiểu số trong tương lai.



Cây thuốc Croton crassifolius ở Đắk Lắk

Bài viết trình bày những kết quả bước đầu của đề tài Nghiên cứu tri thức bản địa trong sử dụng và bảo tồn tài nguyên sinh vật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên, được thực hiện từ năm 2012 đến nay. Trong quá trình thực hiện, đề tài đã sử dụng phương

pháp nghiên cứu thực vật dân tộc học (Gary J. Martin, 2002); các phương pháp RRA và PRA trong điều tra kinh nghiệm và tri thức dược học dân tộc; các phương pháp nghiên cứu thực vật học truyền thống được sử dụng trong quá trình thu thập, xử lý mẫu vật; phương pháp hình thái so sánh được dùng để định tên mẫu vật.

Những kết quả bước đầu

Đa dạng thành phần loài cây thuốc được đồng bào M'ông sử dụng

Trong quá trình điều tra, bước đầu đã thu thập được thông tin và mẫu vật các loài cây thuốc mà người M'ông thường xuyên thu hái, sử dụng và chữa bệnh thuộc 3 ngành: thông đất, dương xỉ và ngọc lan. Trong đó, ngành ngọc lan có số loài nhiều nhất (241 loài thuộc 176 chi, 81 họ); số loài của ngành thông đất và dương xỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (mỗi ngành chỉ có 1 họ, 1 chi và 1 loài). Số họ có nhiều loài nhất được chi tiết hóa ở bảng 1.

Bảng 1: số họ nhiều loài nhất được đồng bào M'ông sử dụng làm thuốc chữa bệnh

STT	Tên họ	Số loài	Tỷ lệ %	STT	Tên họ	Số loài	Tỷ lệ %
1	Fabaceae	35	14,4	6	Caesalpiniaceae	7	2,89
2	Euphorbiaceae	19	7,8	7	Sapindaceae	6	2,45
3	Rubiaceae	17	7,0	8	Anacardiaceae	5	2,05
4	Combretaceae	8	3,3	9	Apocynaceae	5	2,05
5	Dipterocarpaceae	8	3,3	10	Rutaceae	5	2,05

So với thành phần loài cây thuốc được sử dụng bởi các dân tộc thiểu số đã được nghiên cứu trước đây (Dao, H'mông, Thái, Tày, Nùng...), thành phần loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm truyền thống của đồng bào dân tộc M'ông tỉnh Đắk Lắk được ghi nhận chưa nhiều. Tuy nhiên, số lượng này có thể tăng lên trong các nghiên cứu sau này.

Các kinh nghiệm độc đáo về sử dụng và chế biến cây thuốc của dân tộc M'ông

Cuộc sống của cộng đồng người dân tộc M'ông đã gắn liền với tài nguyên rừng từ lâu đời, do vậy họ có được các tri thức, kinh nghiệm sử dụng cây cỏ làm thuốc khá phong phú và độc đáo. Để thấy rõ sự độc đáo trong tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc M'ông cần có sự điều tra đầy đủ và nghiên cứu thấu đáo trong thời gian tới. Tuy nhiên, với các kết quả ban đầu thu nhận được có thể nhận thấy một số nét đặc sắc sau đây:

So với các kết quả điều tra trước đây, nhiều công dụng mới của các loài cây thuốc được phát hiện từ kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào M'ông, tỉnh Đắk Lắk. Trong số này, kinh nghiệm sử dụng cây Cóc con khóc

(*Croton crassifolius*) để lột và làm đẹp da mặt hoặc sử dụng củ gừng (*Zingiber officinale*) nướng cho phụ nữ sau khi sinh mà bị ít sữa là những ví dụ điển hình. Bảng 2 giới thiệu một số kinh nghiệm độc đáo về sử dụng cây thuốc của đồng bào M'ông.

Bảng 2: kinh nghiệm sử dụng một số loài cây thuốc của đồng bào M'ông

STT	Tên khoa học	Tên dân tộc	Tên phổ thông	Cách chế biến và công dụng
1	<i>Croton crassifolius</i> (Euphorbiaceae)	Cóc con khóc	Khổ sâm	Củ già nát, ngâm rượu đắp lên mặt để lột da sẽ cho làn da trắng mịn
2	<i>Dischidia acuminata</i> Cost (Asclepiadaceae)	Tôm taoplút ao	Cây tai chuột	Cả cây tươi đun nước uống để phá thai (đối với thai 4-8 tuần tuổi)
3	<i>Dipterocarpus alatus</i> (Dipterocarpaceae)	Cóc sạn	Dầu rái	Lấy nhựa cây cho trẻ uống (trẻ 3-4 tuổi) chữa đau bụng
4	<i>Aspidistra</i> sp. (Liliaceae)	Tôm plai pook	-	Giã củ bôi lên da làm trắng da
5	<i>Phyllanthus acidus</i> (L.) Skeels (Euphorbiaceae)	Tôm kho lờ	Chùm ruột	Vỏ thân ngâm nước bôi lên người cho da nhẵn nhụi
6	<i>Terminalia chebula</i> (Combretaceae)	Tôm plai iri	Chiêu liệu	Thui quả qua lửa, đun nước tắm chữa sỏi
7	<i>Strychnos nux-blanda</i> (Loganiaceae)	Tôm mơ roak	Mã tiền gỗ	Con trai 7 miếng, con gái 6 miếng ngâm với nước để uống chữa ho
8	<i>Desmodium caudatum</i> (Fabaceae)	Tôm mơ trắng	Trắng quả đuôi	Cả cây đun nước uống tăng sức lực
9	<i>Mallotus aff. spodiocarpus</i> (Euphorbiaceae)	Cóc con khóc không lông	Sâm đất	Ngâm củ trong nước gạo, lấy nước bôi lên mặt vào buổi tối làm đẹp da. Không được uống vì rất độc, có thể gây tử vong
10	<i>Streptocaulon juvenas</i> (Asclepiadaceae)	Tôm taochan rúc	Hà thủ ô	- Cả cây đun nước uống chữa tiêu chảy, kích thích tiêu hóa - Đun rễ cho đàn ông uống có tác dụng sinh tinh, dễ thụ thai - Phòng và điều trị sảy thai
11	<i>Vitex pinnata</i> (Verbenaceae)	Cóc cum khớp	Bình linh lông	Chỉ dùng cây mọc dưới nước chữa ngứa ngáy cá dầm (cây mọc trên cạn không có tác dụng). Lấy thân đun nước xông vào chỗ ngứa cá dầm

Cũng giống như nhiều dân tộc khác của Việt Nam, cùng một loài cây có thể sử dụng để chữa nhiều bệnh khác nhau, tuy nhiên điều đó liên quan chặt chẽ với kỹ thuật chế biến dược liệu. Trong quá trình sử dụng cây thuốc chữa bệnh, phương thức sử dụng cây thuốc của dân tộc M'ông có nhiều kinh nghiệm độc đáo và khác lạ. Để chữa bệnh sỏi cho trẻ em, người M'ông đun nước của quả Tôm plai đã đốt qua lửa để tắm; trong khi với bệnh này, đa số các dân tộc nước ta đều kiêng tiếp xúc với nước.

Cho tới nay, đề tài mới chỉ ghi nhận được 16 loài cây được người M'ông sử dụng để chữa bệnh tiêu chảy của trẻ em. Đáng lưu ý là hầu hết các loài được sử dụng dưới dạng tươi (chặt ngang thân lấy dịch cây để uống). Để đánh giá được đầy đủ giá trị các tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc M'ông và những nét độc đáo so với các dân tộc khác của nước ta, cần có thời gian bổ sung và phân tích các thông tin thu nhận được.



Thu mẫu ngoài thực địa

Đề xuất phương pháp bảo tồn và phát triển tri thức về cây thuốc của người M'Nông tại Đắk Lắk

Tạo điều kiện để các tri thức dân tộc được phát triển: kết quả điều tra cho thấy, dân tộc M'Nông có nhiều cây thuốc, bài thuốc dùng cho phụ nữ mới sinh như tắm thuốc để tránh độc, uống thuốc để không phải ăn kiêng, lợi sữa, bồi bổ cơ thể, chữa các bệnh cho trẻ sơ sinh, tiêu chảy, rần cấn và các bệnh về gan, thận. Tuy nhiên, xu hướng sử dụng cây thuốc để chữa bệnh bằng kinh nghiệm truyền thống đã và đang có xu hướng giảm dần ở thế hệ trẻ. Để duy trì và phát triển nguồn tri thức quý giá này cần tư liệu hóa tri thức để lưu truyền trong cộng đồng được lâu dài. Khuyến khích, tuyên truyền, giáo dục thế hệ trẻ có ý thức học hỏi, tiếp thu các kiến thức từ các thế hệ trước, biết coi trọng và phát huy những tri thức cha ông để lại song hành cùng với tri thức hiện đại. Ngoài ra, cần tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm nhằm đánh giá xác thực các kinh nghiệm dân gian; từng bước hiện đại hóa, nâng cao tính hiệu quả các bài thuốc, cây thuốc có giá trị dựa trên nguyên tắc chia sẻ lợi ích và công bằng. Các bài thuốc dân tộc khi được mở rộng phạm vi sử dụng, vượt ra khỏi cộng đồng bằng con đường thương mại hóa sẽ góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống người dân đang sở hữu chúng và qua đó góp phần bảo tồn và phát huy tri thức bản địa.

Bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc: mặc dù nhu cầu sử dụng nguyên liệu làm thuốc rất lớn, nhưng chủ yếu được khai thác từ cây hoang dại. Những năm gần đây, do con người nhận thức được việc sử dụng thuốc chữa bệnh nguồn gốc thực vật có độ an toàn cao và giá thành hợp lý, dễ tiếp cận nên nhiều loài cây thuốc bị thu hái kiểu tận thu, làm mất khả năng tái sinh tự nhiên của chúng, do vậy đã bị cạn kiệt nhanh chóng, nhiều loài trở nên hiếm hoặc rất hiếm như thạch học, bầy lá một hoa, sâm vũ điệp, lan kim tuyến... Sự suy giảm đa dạng sinh học đồng nghĩa với sự mất dần các tri thức bản địa quý giá. Do vậy, để bảo tồn tri thức sử dụng cây cỏ làm thuốc cần bảo tồn và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên cây thuốc. Trước mắt, cần bảo tồn nguyên trạng các loài đang có ngoài tự nhiên, khoanh vùng quản lý, giám sát chặt chẽ việc thu hái cây thuốc phù hợp với tốc độ tái sinh tự nhiên. Bên cạnh đó, cần nhân giống trồng tại các vườn ươm, vườn nhà và các vùng trồng cây thuốc...

Kết luận

Việc điều tra, nghiên cứu cây thuốc của các dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk mới chỉ được triển khai từ năm 2012 đến nay. Do thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên các kết quả thu được còn khiêm tốn. Tuy nhiên, với các kết quả đã thu được, bước đầu xin đưa ra một số kết luận sơ bộ sau:

- Đã ghi nhận được mẫu vật và thông tin về cây thuốc mà người M'Nông thường xuyên thu hái, sử dụng và chữa bệnh thuộc 3 ngành. Trong đó, ngành ngọc lan có số loài nhiều nhất (241 loài thuộc 176 chi, 81 họ). Số loài của ngành thông đất và dương xỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (mỗi ngành chỉ có 1 họ, 1 chi và 1 loài). 10 họ giàu loài nhất được sử dụng làm thuốc là họ đậu (Fabaceae), họ thầu dầu (Euphorbiaceae), họ cà phê (Rubiaceae), họ bàng (Combretaceae), họ dầu (Dipterocarpaceae), họ vang (Caesalpiniaceae), họ bồ hòn (Sapindaceae), họ xoài (Anacardiaceae), họ trúc đào (Apocynaceae), họ cam quýt (Rutaceae).

- Đồng bào M'Nông có nhiều kinh nghiệm sử dụng cây thuốc rất độc đáo và khác lạ như: đun nước của quả Tôm plai đã đốt qua lửa để tắm, chữa bệnh sởi cho trẻ em, trong khi với bệnh này đa số các dân tộc nước ta đều kiêng tiếp xúc với nước; dùng cây Tôm taoplút ao để kế hoạch hóa gia đình...

- Để bảo tồn và phát huy được giá trị của nguồn tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của dân tộc M'Nông, trong những năm tới cần tạo điều kiện để bảo tồn, phát huy nguồn tri thức bản địa đồng thời với việc bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc tại địa phương ■

Tài liệu tham khảo

1. Lưu Đàm Cư (2004), *Cây thuốc truyền thống của dân tộc Dao huyện Sa Pa, Lào Cai*, Hội nghị toàn quốc - Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Lưu Đàm Cư, Nguyễn Thị Hương (2005), *Thu hái và sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Tây khu vực Việt Lâm, Vị Xuyên, Hà Giang*, Hội thảo quốc gia về sinh thái học và tài nguyên sinh vật lần thứ nhất, NXB Nông nghiệp.
3. Võ Văn Chi (1997), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.
4. Gary J. Martin (2002), *Thực vật dân tộc học*, Sách về bảo tồn, 363 trang, NXB Nông nghiệp (bản dịch tiếng Việt).
5. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Võ Văn Chi, Dương Đức Tiến (1978), *Phân loại thực vật học - Phần thực vật bậc cao*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
7. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), *Cây cỏ Việt Nam*, tập I, II, III, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.